

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2025

V/v “ly hôn giữa chị Hằng
và anh Hoàn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Luân

2. Bà Phạm Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

Ngày 31-7-2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2025/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025 về “Ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Đỗ Thị H, sinh năm 1995.

Bị đơn: anh Trần Văn H1, sinh năm 1995.

Đều ở địa chỉ: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là thôn T, xã L, tỉnh Hưng Yên).

(chị H, anh H1 đều có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai người khởi kiện chị Đỗ Thị H trình bày: chị kết hôn với anh H1 là do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là xã L, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 11-3-2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 01/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng tính tình không hợp, hay cãi cọ nhau, chị đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 9-2024 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân (TAND) khu vực 8 - Hưng Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh H1. Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung là Trần Minh H2, sinh ngày 26/10/2020. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp

nuôi con, chị không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/7/2025 bị đơn anh Trần Văn H1 trình bày: anh kết hôn với chị H là do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là xã L, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 11-3-2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 01/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cãi cọ nhau, hai bên đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 9-2024 đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh, anh cũng nhất trí vì tình cảm vợ chồng không còn. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H và anh được ly hôn. Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung là Trần Minh H2, sinh ngày 26/10/2020. Khi ly hôn do con còn nhỏ anh đồng ý để chị H nuôi con, chị H không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con anh cũng đồng ý. Về tài sản chung, nợ chung: không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên nhận định:

[1] *Về tố tụng:* chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh H1, thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là thôn T, xã L, tỉnh Hưng Yên); Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên. Chị H, anh H1 đều có đơn xin xử vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* chị H, anh H1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là xã L, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 11-3-2019, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 01/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi cọ nhau dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 9/2024 đến nay. Chị H xin ly hôn anh H1, anh cũng nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy cần xử cho ly hôn giữa chị H và anh H1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: vợ chồng có 01 con chung là Trần Minh H2, sinh ngày 26/10/2020. Chị H, anh H1 đều thoả thuận để chị H trực tiếp nuôi con, anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự thoả thuận tự nguyện của các đương sự, cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: chị H và anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: chị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị H và anh Trần Văn H1.

2. *Về nuôi con chung*: vợ chồng có 01 con chung là Trần Minh H2, sinh ngày 26/10/2020. Giao chị H trực tiếp nuôi con, anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000644 ngày 05-6-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 8-Hưng Yên).

5. Về quyền kháng cáo: chị H và anh H1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 8 - Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Lê Quý Đôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Nhàn

